TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 549/2022/DS-PT
Ngày: 19 - 8 - 2022
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1096/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1484/2022/QĐPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Ông Huỳnh Văn B (1922-2016).

Bà Ngô Thị R (1923-2012).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm:

1. Ông Huỳnh Văn B2, sinh năm 1941. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 786 đường H, Khu phố 3, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Huỳnh Thị I, sinh năm 1945. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1949. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1225/18A đường H, Tổ 33, Khu phố 4, phường Phú Th, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1956. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 98/130 đường B, Khu phố 2, phường Tân Thuận Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Huỳnh Văn Bé E, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: Số 54/22/5A đường Dương Cát Lợi, Tổ 13, Khu phố 4, thị trấn N, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Bé E: Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 9/11 Khu phố 4, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Số 82/7 đường H, Khu phố 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H : Luật sư Nguyễn Xuân H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

7. Ông Huỳnh Ngọc A (Huynh A Ngoc), sinh năm 1962.

Địa chỉ: 2055 Calmwater CT Suwanee GA 30024, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc A (Huynh A Ngoc): Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 9/11 Khu phố 4, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Huỳnh Thị Ngọc Th, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 45/8 đường H, Khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà) Huỳnh Văn B, Huỳnh Thị I, Huỳnh Thị H, Huỳnh Văn B, Huỳnh Ngọc H, Huỳnh Thị Ngọc Th: Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1967.

Do ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1943; chết năm 2011, chết trước cha mẹ là *cụ Huỳnh Văn B và cụ Ngô Thị R. Nên những người thừa kế của ông Huỳnh Văn T sẽ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Văn B và cụ Ngô Thị R, gồm các ông bà sau:*

9. Ông Huỳnh Tấn Đ

10. Ông Huỳnh Tấn Th, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số 9/11 Khu phố 4, thị trấn N, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số E6/31C Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà Huỳnh Thị Ngọc L (Lan Ngoc Thi Huynh), sinh năm 1971.

Địa chỉ: 1832 W. Sallie Lane Apt # 1, Anaheim, CA 92894, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà) Huỳnh Tấn Th, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Thị Ngọc L: Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 9/11 Khu phố 4, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo các Giấy ủy quyền Số 04110 ngày 12/9/2018; Số 01293 ngày 06/4/2018 tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy ủy quyền được Hợp pháp hóa lãnh sự số 3525/ĐSQ-HPH-12 ngày 14/11/2012 của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ).

Bị đơn:

1. Bà Lê Phương Lan K, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 82/8 đường H, Khu phố 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Phương Lan K: Bà Lê Phương Uyên K, sinh năm 1971. (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền Số công chứng 007267 ngày 22/10/2014 tại Văn phòng công chứng Quận 7).

2. Bà Lê Phương Đan Kh, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 82/8 đường H, Khu phố 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Phương Đan Kh: Ông Châu Thanh H, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ : Chung cư 1351 đường H, phường Phú Th, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền Số công chứng 002749 ngày 05/3/2018 tại văn phòng công chứng Nguyễn Văn T, Văn phòng công chứng Quận 7 cũ)

3. Bà Lê Phương Uyên K, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Số 33/14/18 đường B, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Phương Linh K, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Số 1387/4/4 đường H, phường Phú Th, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền bà Lê Phương Linh K: Bà Trần Lê Phương N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 1332A đường H, Khu phố 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền Số công chứng 00004589 ngày 12/3/2018 tại Văn phòng công chứng Tân Thuận).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 82/8 đường H, Khu phố 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H, Huỳnh Ngọc A, Huỳnh Tấn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 09/02/2007 và các bản tự khai của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh Văn B (1922-2016) và cụ Ngô Thị R (1923-2012), có ông Huỳnh Tấn Đ là đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất tại số 82/7 H, phường P, Quận 7 (sau đây gọi tắt là nhà 82/7 H) là do cụ Huỳnh Văn B tạo lập từ năm 1967 (theo Giấy phép tạm thời số 1903-HC/2 ngày 09/5/1967). Năm 1973, nguyên đơn nhận chuyển nhượng thêm diện tích 250m^2 từ bà Trần Bạch T (theo Tờ sang nền nhà có xác nhận số 102/PTM/TT ngày 05/4/1973). Phần đất này có vị trí liền kề phía sau nhà, đất tại số 82/7 H. Quá trình sử dụng đất từ năm 1959 đến năm 1983, nguyên đơn có bồi đắp, san lấp, đào ao nuôi cá và trồng hoa màu trên đất.

Năm 1984, nguyên đơn tiến hành kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299 với diện tích đất thổ cư là 300m^2 mà không kê khai đăng ký với diện tích đất tự bồi đắp phía sau với lý do không ở.

Năm 1992, nguyên đơn xin hợp thức hóa nhà, đất và được Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè cấp giấy chứng nhận nhà tự cất số 618/CN ngày 15/9/1992. Trong quá trình sử dụng, ông Lê Kim Kh (cha của bà Lê Phương Lan K) đã lấn chiếm phần đất phía sau nhà 82/7 H và tiến hành kê khai tại chính quyền địa phương.

Năm 1999, mặc dù nguyên đơn có làm giấy thỏa thuận xác định ranh giới nhà, đất với bà Lê Phương Lan K. Sau đó mới phát hiện có lấn chiếm và đồng thời bà Lê Phương Lan K đang xây dựng nhà trên phần đất tranh chấp nên nguyên đơn đã khiếu nại đến chính quyền địa phương nhưng không được giải quyết thỏa đáng.

Năm 2005, một phần diện tích đất tranh chấp nằm trong dự án mở rộng đường Hoàng Quốc Việt nên bị giải tỏa và việc đền bù đã được giải quyết xong.

Nay nguyên khởi kiện yêu cầu các bà Lê Phương Uyên K, Lê Phương Lan K, Lê Phương Đan Kh, Lê Phương Linh K phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 149m^2, đồng thời buộc tháo dở toàn bộ các công trình trên đất và khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

Bị đơn bà Lê Phương Lan K, Lê Phương Đan Kh, Lê Phương Uyên K, Lê Phương Linh K trình bày:

Ngày 10/8/1970, cụ Nguyễn Thị Xuân L là mẹ của các bà có làm đơn xin cất nhà bằng vật liệu nhẹ, có xác nhận của chính quyền chế độ cũ. Trong quá trình sử dụng từ trước năm 1975, cha là cụ Lê Kim Kh san lấp phần đất phía sau để trồng cây, đào ao nuôi cá, hiện trạng lúc bấy giờ là đất biền thấp gần rạch.

Ngày 08/10/1976, cụ Nguyễn Thị Xuân L có đơn xin đăng ký nền gò nhà và được Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ xác nhận. Ngày 31/12/1977, cụ Nguyễn Thị Xuân L được cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký kê khai đất số 597 của Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Nhà Bè. Năm 1981, cụ Nguyễn Thị Xuân L mất, năm 1989 cụ Lê Kim Kh mất, chị em bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay.

Năm 1991, bà Lê Phương Lan K đại diện 04 chị em đăng ký kê khai theo Chỉ thị 02/CT-UB với tổng diện tích đất là 666 m^2 và đã nộp thuế đất đầy đủ. Tháng 8/1999, 04 chị em đăng ký kê khai nhà, đất và ký giấy thỏa thuận xác định ranh với các hộ liền kề, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P.

Năm 2000, cụ Ngô Thị R có đơn tranh chấp và đã được Ủy ban nhân dân Quận 7 và Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết bằng các Quyết định 163/QĐ-UB ngày 12/12/2001; Công văn 7636/TNMT-TTS ngày 24/10/2005; Quyết định 02/QĐ-UB ngày 06/01/2005; Quyết định số 31/QĐ-UB ngày 16/6/2006. Ngày 18/10/2006, Ủy ban nhân dân Quận 7 đã tổ chức thực hiện Quyết định số 31 nêu trên với sự tham gia của các bên liên quan.

Năm 2005, để thực hiện dự án làm đường Hoàng Quốc Việt, Ban bồi thường Quận 7 đã giải tỏa, bồi thường 03 căn nhà của bà Lê Phương Uyên K, bà Lê Phương Linh K, bà Lê Phương Đan Kh. Riêng hộ của bà Lê Phương Lan K bị thu hồi 63,5 m^2 đất có nhà.

Do đã được giải quyết tranh chấp xong, Ủy ban nhân dân Quận 7 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00741/2007 ngày 16/4/2007 cho cụ Lê Kim Kh và cụ Nguyễn Thị Xuân L có bà Lê Phương Lan K đại diện khai trình. Trên cơ sở đó, chị em bị đơn đã phân chia di sản thừa kế và được Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp 04 giấy chứng nhận cho từng người, cụ thể: 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00315QSDĐ/048558/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Lan K, có diện tích 36.6m^2. 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00313QSDĐ/048557/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Uyên K, diện tích: 37.7m^2. 3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00312QSDĐ/048557/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Linh K, diện tích 38m^2. 4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00314QSDĐ/048556/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Đan Kh, diện tích 36.7m^2.

Tháng 08/2008, khi đang xây dựng nhà thì nguyên đơn có đơn khiếu nại và Ủy ban nhân dân Quận 7 đã ban hành các Quyết định thu hồi 04 giấy chứng nhận nêu trên cùng giấy phép xây dựng. Sau khi nhận được các quyết định thu hồi, các bà đã có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân Quận 7 và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 05/11/2010, các bị đơn có đơn phản tố yêu cầu công nhận phần đất theo 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng đã cấp và sau đó bị thu hồi. Đồng thời việc thu hồi giấy chứng nhận và giấy phép xây dựng nêu trên đã gây thiệt hại đến quyền lợi của các bà cụ thể 03 căn nhà đang xây dựng dỡ dang bị bỏ hoang không sử dụng từ năm 2008 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện với diện tích 148.95m^2 theo 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là:

1. Giấy sang nền nhà ngày 05/4/1973 do bà Trần Bạch T bán lại cho bà Ngô Thị R 01 cái nền nhà ngang 10 thước, dài 25 thước trên phần đất của ông Nguyễn Văn Huệ.

2. Công văn 30815/TTĐK-KT ngày 30/10/2006 của Trung tâm thông tin Tài nguyên - Môi trường và đăng ký nhà đất v/v đối chiếu vị trí, xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng theo tài liệu lưu trữ tại thửa 73, 74 Tờ số 3 phường P, Quận 7.

3. Quyết định 170/QĐ-UB/QĐ-UB ngày 18/12/1989 của UBND huyện Nhà Bè buộc ông Nguyễn Viết Sánh trả đất, do có tranh chấp.

4. Giấy chứng nhận nhà tự cất số 618 ngày 15/9/1992.

5. Giấy thỏa thuận xác định ranh đất ngày 19/7/1999 với hộ bà Lê Phương Lan K.

Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với căn cứ:

1. Đơn xin sửa nhà ngày 29/12/1999.

2. Công văn 7636/TNMT-TTS ngày 24/10/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản đồ hiện trạng ngày 04/8/2005.

4. Bộ hồ sơ giải phóng mặt bằng dự án mở rộng đường Hoàng Quốc Việt.

5. Biên bản xác minh thời điểm sử dụng đất ngày 23/7/2005.

6. Công văn 189/UB/2005 ngày 17/11/2005 của UBND phường P, Quận 7.

7. Bản tường trình nguồn gốc nhà ngày 29/01/2007.

8. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/4/2007.

9. Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 16/2/2007.

10. Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 19/4/2007, thông báo lệ phí trước bạ nhà đất ngày 24/4/2007; giấy nộp tiền 2007.

11. Đơn xin xác nhận nhà ngày 11/3/2008.

12. Công văn số 107/UBND ngày 21/4/2008.

Đồng thời xác định yêu cầu phản tố như sau: Đề nghị công nhận phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của các bị đơn như 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Đồng thời do có tranh chấp của nguyên đơn làm cho công trình xây dựng dỡ dang, xuống cấp, không sử dụng được, căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 210220.CTHCM ngày 30/3/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thành Đô, cụ thể:

Bồi thường cho bà Lê Phương Lan K số tiền 38.000.000 đồng;

Bồi thường cho bà Lê Phương Uyên K số tiền 30.000.000 đồng;

Bồi thường cho bà Lê Phương Đan Kh số tiền 13.000.000 đồng.

Riêng bà Lê Phương Linh K chưa xây dựng được nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Thống nhất sử dụng Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011, làm cơ sở để xác định vị trí, diện tích đất tranh chấp. Riêng phần đất tranh chấp có diện tích 37.2m^2 đã giải tỏa hoàn toàn, các đương sự xác định không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, không liên quan đến phần diện tích đang tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1906/2021/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điều 34; Điều 37; điểm c, khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 464; Điều 469; Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 584; Điều 585 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị I, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn B, ông Huỳnh Văn B Em, ông Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Ngọc A (Huynh A Ngoc), bà Huỳnh Thị Ngọc Th, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Tấn Th, bà Huỳnh Ngọc T, bà Huỳnh Thị Ngọc L (Lan Ngoc Thi Huynh) tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 148.95m^2 theo Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn gồm các ông bà: Lê Phương Lan K, Lê Phương Uyên K, Lê Phương Linh K, Lê Phương Đan Kh, công nhận toàn bộ diện tích 148.95m^2 theo Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn.

Các bị đơn gồm bà Lê Phương Lan K, bà Lê Phương Uyên K, bà Lê Phương Linh K, bà Lê Phương Đan Kh được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 148.95m^2 tại Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và

Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011, theo quy định của pháp luật về đất đai. Tương ứng với phần diện tích cho từng bị đơn theo 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi, cụ thể: 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00315QSDĐ/048558/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Lan K, có diện tích 36.6m^2. 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00313QSDĐ/048557/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Uyên K, diện tích: 37.7m^2. 3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00312QSDĐ/048557/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Linh K, diện tích 38m^2. 4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00314QSDĐ/048556/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Đan Kh, diện tích 36.7m^2.

Không chấp nhận phản tố của bị đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, buộc những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị I, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn B, ông Huỳnh Văn B Em, ông Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Ngọc A (Huynh A Ngoc), bà Huỳnh Thị Ngọc Th, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Tấn Th, bà Huỳnh Ngọc T, bà Huỳnh Thị Ngọc L (Lan Ngoc Thi Huynh) có nghĩa vụ liên đới trả tiền thiệt hại do việc tranh chấp làm tài sản bị hư hao cho bà Lê Phương Lan K số tiền 38,000,000 đồng (ba mươi tám triệu đồng); Lê Phương Uyên K số tiền 30,000,000 đồng (ba mươi triệu đồng); Lê Phương Đan Kh số tiền 13,000,000 đồng (mười ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử ngày 03/8/2020 ông Huỳnh Ngọc H, Huỳnh Tấn Đ, Huỳnh Ngọc A kháng cáo đề nghị toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Buộc các bà Lê Phương Uyên K, Lê Phương Lan K, Lê Phương Đan Kh, Lê Phương Linh K phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 149m^2 thuộc thửa 73, 74, 77 tờ bản đồ số 3 (theo TL 2003), tương ứng với thửa 222, 223 tờ 1 (theo TL 1991) tọa lạc tại khu phố 1, phường P, Quận 7 đã lấn chiếm của ông Huỳnh Văn B và bà Ngô Thị R để trả lại cho những người thừa kế của ông Ba, bà Rằng. Buộc bà Lê Phương Uyên K, Lê Phương Lan K, Lê Phương Đan Kh, Lê Phương Linh K tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại hiện trạng đất trống cho những người thừa kế của ông Ba, bà Rằng.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Căn cứ "Tờ sang nhượng nền nhà" ngày 05/4/1973 mà nguyên đơn cung cấp, có nội dung: "Bà Tuyết bằng lòng bán lại cho bà Rằng ngụ tại 82/7 ấp 2, xã Phú Mỹ Tây, Nhà Bè, Gia Định 01 cái nền nhà chiều ngang 10 thước, chiều dài 25 thước, tọa lạc tại xã Phú Mỹ Tây, trên phần đất của ông Nguyễn Văn Huệ với giá tiền là năm chục ngàn đồng"; Các Quyết định 163/QĐ-UB ngày 12/12/2001; Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 06/01/2005 và Quyết định

số 31/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Chủ tịch UBND Quận 7 đều có cùng nội dung: "Bà Rằng kê khai vào năm 1967 có nhận chuyển nhượng (không làm giấy tay mua bán) 1 phần đất của bà Tuyết, được chính quyền Sài Gòn cấp Giấy phép tạm thời xây dựng 1 căn nhà có diện tích 4x8 = 32m. Đến ngày 05/4/1973 bà Tuyết có làm Tờ sang nhượng nền nhà tái xác nhận lại việc mua bán". Và tại Bản tự khai ngày 11/6/2010 nguyên đơn trình bày nhà số 82/7 đường H, do nguyên đơn tạo dựng từ năm 1967 có giấy phép tạm thời do quận Nhà Bè chế độ cũ cấp. Năm 1973, nguyên đơn có mua của bà Tuyết 01 cái nền nhà do không sử dụng và chủ quan nên không đăng ký kê khai ngay từ thời điểm mua và để bị đơn lấn chiếm. Như vậy, nguyên đơn đã thừa nhận sau giải phóng 1975, nguyên đơn không kê khai, không quản lý sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 148.95m^2 thuộc thửa 73; Việc mua bán đất với bà Tuyết năm 1973 không nêu rõ vị trí, số thửa. Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đất với bị đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đến năm 1999 thì nguyên đơn ký giáp ranh đất với bị đơn, không có tranh chấp gì.

Còn phía bị đơn xuất trình được các chứng cứ về nguồn gốc đất như: Đơn xin cất nhà năm 1970 của cha mẹ bị đơn; Đơn xin đăng ký 02 phần đất có diện tích 8m x 15m và 17m x 22m vào năm 1976; Đến năm 1977 tiếp tục có đơn xin cất nhà sàn trên đất; Năm 1989 được Ban quản lý đất đai Nhà Bè lập Bản vẽ về đất cho bị đơn và năm 2008 bị đơn được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp diện tích 148.95m^2 đất phía sau với bị đơn là có căn cứ. Ông Huỳnh Ngọc A, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Ngọc H kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc A, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc A, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Ngọc H đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định là theo quy định Điều 26, 34, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ "Tờ sang nhượng nền nhà" đề ngày 05/4/1973 mà nguyên đơn cung cấp, có nội dung: *bà Trần Bạch T bằng lòng bán lại cho bà Ngô Thị R ngụ tại 82/7 ấp 2, xã Phú Mỹ Tây, Nhà Bè, Gia Định" một (01) cái nền nhà chiều ngang 10 thước, chiều dài 25 thước, tọa lạc tại xã Phú Mỹ Tây, trên phần đất của ông Nguyễn Văn Huệ với giá tiền là năm chục ngàn đồng*, nhưng không nêu rõ vị trí đất ở thửa đất nào? Thuộc Tờ bản đồ số mấy; nội dung chỉ nêu đất của ông Nguyễn Văn Huệ.

Trong khi tại Quyết định 163/QĐ-UB ngày 12/12/2001 của UBND Quận 7; Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 06/01/2005 của Chủ tịch UBND Quận 7,

Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Chủ tịch UBND Quận 7, có cùng nội dung: *theo bà Ngô Thị R kê khai vào năm 1967 có nhận chuyển nhượng (không làm giấy tay mua bán) một phần đất của bà Trần Bạch T, được chính quyền Sài Gòn cấp giấy phép tạm thời xây dựng một căn nhà có diện tích 4x8=32m^2. Đến ngày 05/4/1973 bà Trần Bạch T có làm Tờ Sang nhượng nền nhà tái xác nhận việc mua bán*.

Tại bản tự khai ngày 11/6/2010 nguyên đơn trình bày nhà số 82/7 đường H do chúng tôi tạo dựng từ năm 1967 có giấy phép tạm thời do quận Nhà Bè chế độ cũ cấp. Năm 1973 chúng tôi có sang nhượng của bà Tuyết một cái nền nhà. Trong quá trình sử dụng liên tục bằng sức lao động chúng tôi đã đào ao nuôi cá, bồi đắp nền và trồng hoa màu cải thiện đời sống gia đình. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và luật sư xác định phần đất đang tranh chấp do không sử dụng và chủ qua lơ là nên không đăng ký kê khai ngay từ thời điểm mua và để bị đơn lấn chiếm.

Xét Giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất ngày 19/7/1999 đối với Căn nhà số 82/7 đường Liên tỉnh 15, do ông Huỳnh Văn B là chủ sử dụng nhà, đất và do chủ sử dụng nhà, đất tự ghi có nội dung: *tiếp giáp với nhà ông Huỳnh Văn B, phía sau tiếp giáp với đất của hộ bà Lê Phương Lan K; bên hông tiếp giáp với hộ bà Lê Phương Lan K bằng tường riêng do hộ ông Huỳnh Văn B xây*. Đủ cơ sở ngay tại thời điểm ký áp ranh các bên đã ngay tình thừa nhận.

Căn cứ Họa đồ hiện trạng nhà hợp thức hóa nhà tự cất ngày 29/8/1999, đối với căn nhà 82/7 khu phố 1, thị trấn N, chủ nhà Huỳnh Văn B, thể hiện nội dung: *diện tích nhà hợp thức hóa 45.32m^2, diện tích đất 120m^2*. Đủ cơ sở xác định từ năm 1999, nguyên đơn đã xác định ranh đất phía sau có tiếp giáp với đất của bà Lê Phương Lan K và diện tích nguyên đơn đăng ký sử dụng chỉ có 120m^2. Tại phiên tòa đại diện những người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn thừa nhận sau khi ký giáp ranh mới biết đất bị lấn chiếm, nên mới phát sinh tranh chấp, là không có cơ sở chấp nhận.

Tại Công văn số 5864/UBND-TNMT ngày 09/12/2019 UBND Quận 7 trả lời Tòa án có nội dung: *Theo hồ sơ trích trích lục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 00831/2002 ngày 05/11/2002 do UBND Quận 7 cấp cho ông Huỳnh Văn B, bà Ngô Thị R do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp: diện tích cấp giấy chứng nhận được thể hiện do ông Huỳnh Văn B đề nghị và ký tên tại bản đồ hiện trạng vị trí số 464/Q7-Q2 do Công ty TNHH và dịch vụ tư vấn điền địa lập ngày 16/9/2002 (bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSHNỞ và QSDĐỞ) khu đất diện tích 236m^2 và bản vẽ sơ đồ nhà đất diện tích đất 236m^2, diện tích xây dựng 233.6m^2, diện tích sàn xây dựng 233,6m^2. Và việc nguyên đơn đã nhận tiền bồi thường và sử dụng phần diện tích còn lại là 38.4m^2 với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 7. Thửa số 77 theo tài liệu 2003 do bà Lê Phương Linh K đăng ký sử dụng; thửa 73-5 thực tế có hai căn nhà của bà Lê Phương Đan Kh, bà Lê Phương Uyên K đang xây dựng dỡ dang do bị đình chỉ xây dựng phần còn lại thửa 73-5 là đất trống*. Đủ cơ sở xác định nguyên đơn không quản lý sử dụng, không đăng ký kê khai phần đất đang tranh chấp phù hợp với lời trình bày

của nguyên đơn và luật sư nêu phần đất đang tranh chấp do nguyên đơn mua nhưng do không sử dụng và lơ là nên không đăng ký kê khai để bị đơn lấn chiếm.

Như vậy, nguyên đơn đã thừa nhận sau giải phóng 1975 nguyên đơn không kê khai, không quản lý sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 148,95m^2 thuộc thửa 73; Việc mua bán đất của bà Tuyết năm 1973 không nêu rõ vị trí, số thửa. Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đất với bị đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đến năm 1999 thì nguyên đơn ký giáp ranh đất với bị đơn, không có tranh chấp gì. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng diện tích 148.95m^2, theo Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011.

[2.2] Phía bị đơn xuất trình các chứng cứ chứng minh nguồn gốc. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ gồm Tờ đăng ký nhà đất ngày 29/8/1999, Giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất ngày 29/8/1999, Tờ khai nộp thuế đất ngày 19/4/2000 của các bị đơn bà Lê Phương Lan K, Lê Phương Uyên K, Lê Phương Đan Kh, Lê Phương Linh K (do chồng là ông Trần Đình Bình đứng kê khai) kèm theo Sơ đồ nhà đất lập ngày 30/12/1989 do bà Lê Phương Lan K xin để cất nhà ở đều thể hiện rõ đất có phần tiếp giáp phía sau phần đất của nguyên đơn, thể hiện bị đơn đã quản lý sử dụng phần đất đang tranh chấp trước thời điểm năm 1999 khi nguyên đơn cho rằng bị đơn mới tiếp tục lấn đất thêm, phù hợp với Giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất ngày 19/7/1999 đối với Căn nhà số 82/7 đường Liên tỉnh 15, do ông Huỳnh Văn B là chủ sử dụng nhà, đất và do chủ sử dụng nhà, đất tự ghi có nội dung phía sau tiếp giáp với đất Lê Phương Lan K.

Căn cứ Đơn xin sửa chữa nhà 10/10/1999 và ngày 29/12/1999, bà Lê Phương Lan K xin sửa chữa cấp lại nhà, được UBND phường chấp thuận và tại Thông báo số 517/TB-UBND-BTGPMB ngày 18/11/2005, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án thuộc UBND Quận 7, V/v bồi thường thiệt hại đối với hộ bà Lê Phương Lan K thuộc dự án xây dựng đường Hoàng Quốc Việt nối dài tại phường P, Quận 7, thể hiện nội dung: Hộ bà Khanh thuộc diện giải tỏa một phần. Gồm diện tích đất ở giải tỏa 63.5 m^2; Nhà 1 diện tích 23.3m^2; Nhà 2 diện tích 58.16m^2; nhà 3 diện tích 12.35m^2. Tổng cộng nhà và đất bị giải tỏa có diện tích là 156.31m^2. Tại bản tường trình nguồn gốc nhà đất ngày 29/01/2005, bà Lan Khanh có đơn xin hợp thức hóa diện tích đất 148.95m^2 đất, trong đó có diện tích nhà xây dựng là 39.60m^2, kết cấu tường gạch, sàn gỗ, mái tôn; là thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2005.

Từ những căn cứ nêu tên đủ cơ sở xác định diện tích 148.95m^2, theo Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011, bị đơn đã liên tục quản lý sử dụng, có đăng ký kê khai theo quy định đủ căn cứ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cần chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận diện tích 148.95m^2

thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn, theo Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011. Các bị đơn được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thỏa thuận cho từng người trong phần diện đất 148.95m^2, tại Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011, theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp diện tích 148,95m^2 đất phía sau của bị đơn là có căn cứ. Do vậy, ông Huỳnh Ngọc A, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Ngọc H kháng cáo nhưng không có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận ông Huỳnh Ngọc A, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Ngọc H;

Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điều 34; Điều 37; điểm c, khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 464; Điều 469; Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 584; Điều 585 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị I, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn B, ông Huỳnh Văn B Em, ông Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Ngọc A (Huynh A Ngoc), bà Huỳnh Thị Ngọc Th, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Tấn Th, bà Huỳnh Ngọc T, bà Huỳnh Thị Ngọc L (Lan Ngoc Thi Huynh) tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 148.95m^2 theo Bản

đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn gồm các ông bà: Lê Phương Lan K, Lê Phương Uyên K, Lê Phương Linh K, Lê Phương Đan Kh, công nhận toàn bộ diện tích 148.95m^2 theo Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn.

Các bị đơn gồm bà Lê Phương Lan K, bà Lê Phương Uyên K, bà Lê Phương Linh K, bà Lê Phương Đan Kh được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 148.95m^2 tại Bản đồ áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2011, theo quy định của pháp luật về đất đai. Tương ứng với phần diện tích cho từng bị đơn theo 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi, cụ thể: 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00315QSDĐ/048558/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Lan K, có diện tích 36.6m^2. 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00313QSDĐ/048557/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Uyên K, diện tích: 37.7m^2. 3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00312QSDĐ/048557/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Linh K, diện tích 38m^2. 4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00314QSDĐ/048556/HĐ-TC.QSDĐ/2008 cấp ngày 08/5/2008 cho bà Lê Phương Đan Kh, diện tích 36.7m^2.

Không chấp nhận phản tố của bị đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, buộc những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị I, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn B, ông Huỳnh Văn B Em, ông Huỳnh Ngọc H, ông Huỳnh Ngọc A (Huynh A Ngoc), bà Huỳnh Thị Ngọc Th, ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Tấn Th, bà Huỳnh Ngọc T, bà Huỳnh Thị Ngọc L (Lan Ngoc Thi Huynh) có nghĩa vụ liên đới trả tiền thiệt hại do việc tranh chấp làm tài sản bị hư hao cho bà Lê Phương Lan K số tiền 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng); Lê Phương Uyên K số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Lê Phương Đan Kh số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

II. Án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Tấn Đ, ông Huỳnh Ngọc A, ông Huỳnh Ngọc H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu số 0092365 ngày 18/8/2020 (do ông Huỳnh Tấn Đ nộp), 00092367 ngày 18/8/2020 (do ông Huỳnh Ngọc H nộp), số 0092563 ngày 15/9/2020 (do ông Võ Bá Chiến nộp thay ông Huỳnh Ngọc A) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh, xác nhận đã nộp đủ.

III. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Đương sự (8)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 20b (MTTT)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Huyền Vân